

CÁC GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI

I. Thực trạng chăn nuôi và ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi:

1. Một số kết quả đạt được:

Trong những năm gần đây, phát triển chăn nuôi trang trại liên tục tăng mạnh, đến nay cả nước đã có trên 20.809 trang trại chăn nuôi. Đáng chú ý là chăn nuôi trang trại không chỉ đối với những vật nuôi truyền thống mà còn đang có sự dịch chuyển sang chăn nuôi đối với các loại vật nuôi hoặc động vật quý hiếm. Trong suốt những năm đổi mới, ngành chăn nuôi đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn như thị trường, bão giá đầu vào, dịch bệnh... để vươn lên không ngừng theo định hướng sẽ phát triển thành ngành sản xuất chính của nông nghiệp nước nhà ở tương lai. Hiện nay chăn nuôi lợn của Việt Nam đứng thứ 4 thế giới sau Trung quốc, Hoa Kỳ và Brazil, chăn nuôi vịt đứng thứ 2 thế giới sau Trung Quốc, số lượng trâu đứng thứ 6 thế giới. Hàng năm đạt trên 4 triệu tấn sản phẩm chăn nuôi, đứng thứ 3 sau Trung Quốc và Ấn Độ. Bình quân sản phẩm chăn nuôi năm 2010 đạt trên 46kg thịt hơi, 3,5 kg sữa tươi và trên 67 quả trứng/người/năm. Trong thời gian tới, kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi và phát triển nhanh với thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đã đạt 1200 USD, nên nhu cầu tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi sẽ tiếp tục ngày càng tăng cao và là động lực to lớn thúc đẩy ngành này ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ.

Thế chế hiện nay đã tạo được khuôn khổ pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương có điều kiện thực hiện tốt công tác quản lý, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm các trường hợp gây ô nhiễm môi trường ở địa phương. Đảm bảo xử lý đúng người, đúng hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, giúp bảo vệ môi trường trong cả nước đồng thời thực hiện đúng nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa - Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi do chủ yếu là Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành. Mức khuyến khích đã được chú ý đề cao ở các quy mô chăn nuôi trang trại, chăn nuôi hướng công nghiệp. Điều này phù hợp với định hướng của ngành về phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các văn bản về quản lý môi trường bước đầu đã tạo sự chuyển biến tích cực trong phần lớn hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ, các chủ trang trại nuôi tập trung cũng như giúp cơ quan quản lý nhà nước có định hướng trong việc thực hiện chính sách môi trường tại địa phương. Hệ thống văn bản trong thể chế quản lý môi trường chăn nuôi hiện có đã phát huy được hiệu quả tích cực, giúp người chăn nuôi định hướng trong sản xuất, ngoài quyền lợi tạo lợi ích kinh tế cho cá nhân, tập thể, còn phải có trách nhiệm với môi trường chăn nuôi, giúp đảm bảo ngành chăn nuôi phát triển bền vững. Việc ban hành các văn bản, thực hiện việc quản lý về môi trường trong chăn nuôi được thống nhất từ Trung ương đến địa phương, văn bản cấp dưới không mâu thuẫn với văn bản cấp trên đã tạo sự quản lý pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thống nhất quản lý giữa các cơ quan, Bộ, ngành có liên quan. Điều này thể hiện sự tập trung quản lý đồng bộ, phối hợp tốt giữa các Bộ, ngành trong công tác xây dựng thể chế ở lĩnh vực quản lý môi trường chăn nuôi.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được ban hành dưới luật khá đầy đủ và phong phú. Lĩnh vực bảo vệ môi trường trong chăn nuôi chỉ là một lĩnh vực mới được quan tâm, chất thải là chất thải hữu cơ dễ phân hủy trong môi trường tự nhiên nên chưa thu hút được sự chú ý cao trong nghiên cứu khoa học và quản lý nhà nước so với các lĩnh vực khác như ô nhiễm trong giao thông, xây dựng,... Song đã có khá nhiều các quy định, hướng dẫn về công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi và lại không chỉ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành và do nhiều Bộ khác ban hành như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội... Về cơ bản, thể chế quản lý môi trường chăn nuôi đã khá đầy đủ. Một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do các cấp có thẩm quyền ban hành đã được xây dựng, ban hành và thường xuyên cập nhật, đổi mới để quản lý kịp thực tiễn sản xuất.

Những năm gần đây, phong trào sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi đã được thử nghiệm và áp dụng theo các quy mô khác nhau ở nhiều địa phương. Biện pháp này đã góp phần giảm thiểu đáng kể sự ô nhiễm môi trường về mùi do chất thải vật nuôi gây ra, tại một số nơi còn cho giá trị cao về hiệu quả kinh tế và năng suất chăn nuôi. Ngày 9/10/2013, Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã chính thức công nhận tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đối với “Chế phẩm sinh học BALASA N01 để làm đệm lót sinh học nuôi lợn và

gà do hai tác giả TS. Nguyễn Khắc Tuấn và TS. Nguyễn Thị Tuyết Lê nghiên cứu. Cũng giống như các chương trình biogas, các chương trình dự án sử dụng nguồn kinh phí Trung ương chưa tiến hành hỗ trợ bất cứ mô hình nào cụ thể. Tuy nhiên, nhiều nơi trong cả nước đã chủ động từ nguồn kinh phí địa phương để ứng dụng cho nông hộ chăn nuôi lợn, gà đặc biệt là với chế phẩm BALASA N01. Kết quả cho thấy những tín hiệu tốt từ việc áp dụng và đã có những báo cáo đánh giá thiết thực trong quá trình chăn nuôi sản xuất.

Hiện nay đã có hàng chục nghìn công trình khí sinh học đang hoạt động với nhiều kiểu thiết bị khí sinh học khác nhau do nhiều tổ chức thiết kế và phổ biến. Các chương trình dự án khuyến nông Trung ương chưa có mô hình hỗ trợ cụ thể đối với ứng dụng công nghệ khí sinh học biogas. Tuy nhiên, trong các hoạt động triển khai của một số dự án đã yêu cầu các hộ tham gia phải áp dụng biogas như một tiêu chí ưu tiên hàng đầu. Một số dự án cụ thể như chăn nuôi lợn an toàn sinh học và áp dụng VietGAHP; Phát triển kỹ thuật chăn nuôi và vỗ béo gia súc lớn... Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã triển khai dự án “Tăng cường năng lực cho hệ thống khuyến nông Việt Nam trong chiến lược giảm thiểu khí phát thải: Giảm thiểu khí phát thải nhà kính trong nông nghiệp” do Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ tài trợ; triển khai 02 mô hình tại Hà Nội và Huế về “Chăn nuôi đại gia súc áp dụng kỹ thuật cân đối khẩu phần thức ăn nhằm giảm phát thải khí nhà kính”. Các hoạt động khuyến nông liên quan đến ứng dụng công nghệ khí sinh học tập trung chủ yếu qua hệ thống khuyến nông địa phương thông qua các hoạt động thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn, xây dựng mô hình... Ngoài ra, những lợi ích từ ủ phân sinh học giúp tận dụng được các phế phụ phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi để tạo ra phân bón tốt cho cây trồng, làm giảm chi phí đầu tư trong trồng trọt như chi phí phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật; tiêu hủy các mầm bệnh có trong phân chuồng; phân hủy các hợp chất hữu cơ, khó tiêu thành dễ tiêu; làm tăng độ phì nhiêu của đất và có tác dụng cải tạo đất rất tốt... Từ những lợi ích trên, hệ thống khuyến nông các tỉnh đã có những hướng dẫn nông dân áp dụng công nghệ ủ, công nghệ chuyển giao đơn giản, giá thành thấp đồng thời mang lại hiệu quả cao.

Phát triển các công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi là rất cần thiết để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và đảm bảo phát triển chăn nuôi bền vững. Để công tác chuyển giao đạt hiệu quả tới các hộ gia đình đòi hỏi có sự nghiên cứu

đánh giá của các nhà khoa học, nhà quản lý, các chuyên gia và chính các hộ sử dụng.

2. Những tình trạng còn tồn tại:

Hiện trạng ô nhiễm môi trường do chăn nuôi gây ra ở nước ta đang ngày một tăng ở mức báo động. Tình trạng này chủ yếu do một số nguyên nhân cơ bản như: Ngành chăn nuôi luôn tăng trưởng nhanh và mạnh liên tục trong những năm gần đây nên tạo ra lượng chất thải rất lớn, hàng triệu tấn mỗi năm; Việc xử lý chất thải chăn nuôi không triệt để; Quản lý từ đầu nguồn đến hết quy trình chăn nuôi chưa kiểm soát triệt để vấn đề phát thải; Từ khâu quy hoạch, kỹ thuật xây dựng, nuôi dưỡng, thu hoạch, giết mổ, chế biến, vận chuyển lưu thông, bảo quản còn chưa tập trung đúng mức đến quản lý môi trường; Hệ thống thể chế, chính sách chưa đủ, thiếu đồng bộ, ứng dụng trực tiếp vào chăn nuôi còn nhiều khó khăn; Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác chưa phát huy được thế mạnh.

Hiện cả nước có 8,5 triệu hộ chăn nuôi quy mô gia đình, 18.000 trang trại chăn nuôi tập trung, nhưng mới chỉ có 8,7% số hộ xây dựng công trình khí sinh học. Tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh cũng chỉ chiếm 10% và chỉ có 0,6% số hộ có cam kết bảo vệ môi trường. Vẫn còn khoảng 23% số hộ chăn nuôi không xử lý chất thải bằng bất kỳ phương pháp nào mà xả thẳng ra môi trường bên ngoài...gây sức ép đến môi trường.

Chất thải chăn nuôi tác động đến môi trường và sức khỏe con người trên nhiều khía cạnh: Gây ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm, môi trường khí, môi trường đất và các sản phẩm nông nghiệp. Đây chính là nguyên nhân gây ra nhiều căn bệnh về hô hấp, tiêu hóa, do trong chất thải chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã cảnh báo, nếu không có biện pháp thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi một cách thỏa đáng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người, vật nuôi và gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đặc biệt là các virus biến thể từ các dịch bệnh như: lở mồm long móng, dịch bệnh tai xanh ở lợn có thể lây lan nhanh chóng và có thể cướp đi sinh mạng của rất nhiều người. Theo Báo cáo tổng kết của Viện Chăn nuôi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, nồng độ khí H₂S và NH₃ trong chất thải chăn nuôi cao hơn mức cho phép khoảng 30-40 lần. Tổng số vi sinh vật và bào tử nấm cũng cao hơn mức cho

phép rất nhiều lần. Ngoài ra, nước thải chăn nuôi còn chứa Coliform, E.coli, COD... và trứng giun sán cao hơn rất nhiều lần so với tiêu chuẩn cho phép.

Các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long là những địa phương có ngành chăn nuôi phát triển. Tại tỉnh Bến Tre, tính đến thời điểm tháng 6/2013 đã có đàn lợn trên 424.000 con, đàn bò gần 148.000 con, là địa phương có đàn gia súc đứng đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, việc đảm bảo vệ sinh môi trường ở đây mới chỉ chú trọng ở các doanh nghiệp chăn nuôi, còn các hộ chăn nuôi nhỏ chưa được quan tâm. Trong khi, các hộ chăn nuôi nhỏ chiếm tỷ lệ khá lớn, nhưng việc chăn nuôi của các hộ dân phần lớn theo tập quán, thói quen xả chất thải xuống kênh, rạch dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường, tăng nguy cơ dịch bệnh cho vật nuôi, con người và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững của ngành Chăn nuôi. Theo dự báo của ngành Tài nguyên và Môi trường, với tốc độ phát triển mạnh của ngành Chăn nuôi như hiện nay dự tính đến năm 2020, lượng chất thải rắn trong chăn nuôi phát sinh khoảng gần 1.212.000 tấn/năm, tăng 14,05% so với năm 2010.

Do không có sự quy hoạch ban đầu, nhiều xí nghiệp chăn nuôi, lò mổ, xí nghiệp chế biến thực phẩm còn nằm lẫn trong khu dân cư, trong các quận nội thành, sản xuất chăn nuôi còn nhỏ, manh mún, phân bố rải rác trong khi sản xuất nông nghiệp có lợi nhuận thấp, giá cả bấp bênh, thị trường không ít ổn định. Vì vậy, sức đầu tư vào khâu xử lý môi trường trong chăn nuôi còn thấp. Số lượng các lò mổ đạt yêu cầu vệ sinh chỉ khoảng trên 30%. Hiện tượng giết mổ lậu, giết mổ gia súc, gia cầm bị bệnh, không qua kiểm soát giết mổ, nước sử dụng chất thải từ các lò mổ không được kiểm soát cũng là nhân tố tác động làm tăng ô nhiễm môi trường.

Chất thải chăn nuôi là nguyên nhân gây ô nhiễm lớn cho môi trường tự nhiên do lượng lớn các khí thải và chất thải từ vật nuôi. Các khí thải từ vật nuôi cũng chiếm tỷ trọng lớn trong các khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương Thế giới (FAO), chất thải của gia súc toàn cầu tạo ra 65% lượng Nitơ oxit (N₂O) trong khí quyển. Đây là loại khí có khả năng hấp thụ năng lượng mặt trời cao gấp 296 lần so với khí CO₂. Động vật nuôi còn thải ra 9% lượng khí CO₂ toàn cầu, 37% lượng khí Methane (CH₄) – loại khí có khả năng giữ nhiệt cao gấp 23 lần khí CO₂. Theo số liệu ước tính của Cục Chăn nuôi, tổng số chất thải rắn hằng năm từ đàn gia súc, gia cầm ở Việt Nam khoảng

73 - 76 triệu tấn. Phần lớn chất thải chăn nuôi được sử dụng làm phân bón. Tuy nhiên trước khi đưa vào sử dụng, việc xử lý chất thải chăn nuôi có sự khác nhau theo quy mô chăn nuôi. Với quy mô chăn nuôi trang trại và gia trại thì việc xử lý chất thải được coi trọng hơn, còn tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ gắn với sản xuất nông nghiệp, chất thải chăn nuôi chủ yếu được vận chuyển trực tiếp từ chuồng nuôi ra ngoài đồng bón cho cây trồng, số lượng được xử lý rất ít. Theo kết quả điều tra chăn nuôi lợn 8 vùng sinh thái, số gia trại, trang trại chăn nuôi lợn có áp dụng các biện pháp xử lý chất thải chiếm khoảng 74%, còn lại không xử lý chiếm khoảng 26%; trong các hộ, các cơ sở có xử lý thì 64% áp dụng phương pháp sinh học, số còn lại 36% xử lý bằng phương pháp khác. Nhiều báo cáo nghiên cứu đều đã khẳng định là hầu hết các chất thải trong chăn nuôi đều chưa được xử lý trước khi thải ra môi trường. Số phân không được xử lý và tái sử dụng lại là nguồn cung cấp phần lớn các khí nhà kính (chủ yếu là CO₂, N₂O) làm trái đất nóng lên, ngoài ra còn làm rối loạn độ phì của đất, gây phì dưỡng, ô nhiễm đất và ô nhiễm nước. Chưa kể nguồn khí thải CO₂ phát tán do hơi thở của vật nuôi.

Hiện nay, còn nhiều trang trại chăn nuôi lợn, bò hàng ngày thải ra một lượng lớn chất thải không được xử lý và đổ trực tiếp vào hệ thống thoát nước, kênh mương trong vùng làm nhiều hộ dân không có nước sinh hoạt, tỷ lệ người dân bị mắc bệnh tiêu chảy, mẩn ngứa và ghẻ lở cao. Ô nhiễm do chất thải chăn nuôi không chỉ ảnh hưởng nặng tới môi trường sống dân cư mà còn gây ô nhiễm nguồn nước, tài nguyên đất và ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất chăn nuôi. Các hoạt động gây ô nhiễm do chăn nuôi vẫn đang tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi trên cả nước. Tình trạng chăn nuôi thả rông, chăn thả trên đất dốc, đầu nguồn nước... còn khá phổ biến đã làm tăng diện tích đất xói mòn, suy giảm chất lượng nước, giảm thiểu khả năng sản xuất nông nghiệp trên vùng rộng lớn. Ô nhiễm môi trường còn làm phát sinh dịch bệnh, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả chăn nuôi. Trong hơn mười năm qua, dịch lở mồm, long móng trên gia súc đã diễn ra thường xuyên và đến nay chưa được khống chế triệt để. Từ cuối năm 2003, dịch cúm gia cầm đã bùng phát. Từ năm 2003 đến nay, dịch đã tái phát 5 đợt, đã phải tiêu huỷ trên 51 triệu gia cầm các loại, thiệt hại ước tính lên đến hàng ngàn tỷ đồng. Từ đầu năm 2007 đã bùng phát hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản trên lợn, gây tổn thất lớn cho ngành chăn nuôi, gây mất an toàn thực

phẩm và còn có nguy cơ lây nhiễm sang người nguy hiểm không kém các bệnh truyền nhiễm.

Ô nhiễm do chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi lợn không chỉ làm hôi tanh không khí mà còn ảnh hưởng nặng tới môi trường sống dân cư, nguồn nước và tài nguyên đất ảnh hưởng chính đến kết quả sản xuất chăn nuôi. Các hoạt động gây ô nhiễm do chăn nuôi vẫn đang tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi trên cả nước. Tình trạng chăn nuôi thả rông, chăn thả trên đất dốc, đầu nguồn nước,... còn khá phổ biến góp phần làm tăng diện tích xói mòn, suy giảm chất lượng đất, nước, giảm thiểu khả năng sản xuất nông nghiệp trên vùng rộng lớn.

Theo số liệu điều tra của Cục Thú y, cả nước có 17.129 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, trong đó số cơ sở giết mổ tập trung có 617 cơ sở, chiếm tỷ lệ 3,6 %, tập trung tại một số tỉnh Miền Nam. 64,5% cơ sở giết mổ gia cầm nằm trong khu dân cư. Diện tích giết mổ gia cầm rất chật hẹp. Có từ 50 đến 78% các cơ sở giết mổ có hệ thống xử lý nước thải nhưng rất đơn giản, hiệu quả xử lý thấp. Đối với các cơ sở giết mổ nhỏ ở nông thôn diện tích đất rộng thường làm hệ thống xử lý tự chảy qua hầm tự hoại hoặc túi biogas. Nhiều chủ cơ sở không nhận thức được sự nguy hại của chất thải lò mổ, chỉ xây hệ thống xử lý chất thải để đối phó, không vận hành, không kiểm tra, không tu bổ, sửa chữa. Kết quả phân tích 180 mẫu nước thải cho thấy Coliform từ 1,1.10² - 7,5.10⁸/ml, E.coli từ 1,9.10² - 6,7.10⁸/ml, Clostridium từ 0,2.10² - 2,1.10⁴/ml, và đều vượt giới hạn cho phép, trên 30% số mẫu phát hiện Salmonella (+). 100% mẫu nước thải đều không đạt TCVN 5945-2005 về các chỉ tiêu cơ bản như COD, BOD, SS, nitơ tổng số, phospho tổng số. Lượng gây ô nhiễm cao gấp 1,6 lần đến hàng ngàn lần so với tiêu chuẩn. Phần lớn các cơ sở, điểm giết mổ nhỏ lẻ không được kiểm soát thú y, không được hướng dẫn giám sát, xử lý chất thải do đó gây ô nhiễm môi trường rất lớn. Lượng COD, BOD, số lượng vi sinh vật gây bệnh trong chất thải lò mổ cao không chỉ làm giảm khả năng tự làm sạch của nước, tạo ra nhiều chất khí tạo mùi như NH₃, H₂S gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh, ô nhiễm nước mặt và nước ngầm mà còn là nguyên nhân gây lan truyền mầm bệnh từ động vật sang người, gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm động vật.

Theo số liệu thống kê cả nước có khoảng gần 100 cơ sở sản xuất thuốc thú y. 190 công ty thuộc 32 nước nhập khẩu khoảng 1.800 loại sản phẩm thuốc

thú y cung cấp nguyên liệu cho sản xuất thuốc thú y trong nước. Các cơ sở sản xuất trong nước có khoảng gần 5000 loại sản phẩm, đáp ứng được 70% nhu cầu thuốc thú y dùng để phòng chống dịch bệnh trong nước đồng thời xuất khẩu đi hơn 10 nước trong khu vực và trên thế giới. Các cơ sở này có quy mô khác nhau nhưng đều sản xuất các loại hoá dược, chế phẩm sinh học, vắc xin dùng trong thú y. Theo số liệu ước tính cả nước có khoảng gần 4000 trung tâm nghiên cứu, trung tâm và phòng xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật. Trong đó rất nhiều bệnh thuộc danh mục bệnh phải công bố dịch của OIE, bệnh nguy hiểm và bệnh lây chung cho người và vật nuôi như nhiệt thán, cúm gia cầm H5N1, bệnh do Salmonella...

Tuy quy mô và mục đích hoạt động khác nhau nhưng thành phần chất thải của các cơ sở sản xuất thuốc thú y và các phòng xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật đều chứa các yếu tố nguy hại gồm : máu, dịch cơ thể, chất bài tiết; xác, phủ tạng của động vật có chứa mầm bệnh nguy hiểm, các bệnh truyền lây giữa người và vật; các bệnh phẩm, môi trường nuôi cấy vi sinh vật, xác động vật công cường độc các bệnh nguy hiểm, bệnh phẩm, môi trường nuôi cấy vi sinh vật, động vật bị chết không rõ nguyên nhân trong quá trình thí nghiệm. Đây là loại chất thải nguy hiểm tương tự chất thải y tế, có nguy cơ lan truyền mầm bệnh ra môi trường xung quanh rất cao nếu không được xử lý đúng phương pháp. Mầm bệnh trong chất thải gồm vi trùng, virus, nấm, ký sinh và ấu trùng hay trứng của chúng. Sự tồn tại của vi sinh vật gây bệnh trong chất thải phụ thuộc nhiều yếu tố. Các điều kiện giúp chúng có khả năng tồn tại lâu trong bao gồm: số lượng ban đầu lớn; nhiệt độ môi trường thấp dưới 10oC; hàm lượng các chất rắn cao và loài động vật cảm nhiễm. Mầm bệnh sống lâu nhất trong phân trâu bò và ngắn nhất trong phân gia cầm nuôi lồng. Các vi sinh vật khác nhau sẽ có sức đề kháng khác nhau: Mycobacterium, Brucella, Leptospira thường tồn tại ngoài cơ thể lâu hơn Salmonella và E.coli.

Sự thải chất thải hoặc nước thải từ các xí nghiệp sản xuất thuốc thú y, các cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật chưa xử lý hoặc xử lý không thích hợp sẽ gây ô nhiễm môi trường. Chất thải không chỉ gây mất cảnh quang môi trường mà còn tác động bất lợi đến hệ sinh vật có ích trong nước, đất; Các loại động vật thủy sinh thân mềm bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh và các hoá chất tồn dư, kim loại nặng, gây ô nhiễm các nguồn nước. Hậu quả không thể tránh khỏi là ảnh

hưởng tới sức khoẻ cộng đồng. Các nghiên cứu cho thấy vi khuẩn Salmonella và Vibrio cholera được tìm thấy trong nước sông, hồ, biển gần vị trí nước thải chảy ra. Virus gây bệnh đường ruột như poliovirus, coxackie virus, echovirus, adenovirus, và rotavirus cũng được phát hiện trên bãi biển của một số quốc gia như Pháp, Israel, Brazil, Ý, Tây Ban Nha và Mỹ. Tuy nhiên Việt nam chưa có các nghiên cứu về vấn đề này.

Trên đàn gia cầm thịt, các bệnh chủ yếu gồm: Newcattle chiếm 40-50%, Gumboro chiếm 27-32%, tụ huyết trùng chiếm 14-15%, ngoài ra còn các bệnh khác như CRD, Marex, đậu gà.... Trên đàn thủy cầm thịt, các bệnh chủ yếu gồm: Newcattle, tụ huyết trùng, viêm gan vịt, dịch tả vịt. Đàn gia cầm dễ trúng thường bị các bệnh Newcattle, tụ huyết trùng, CRD, bạch ly, Hội chứng giảm đẻ EDS. Theo báo cáo của cục Thú y, bệnh Newcattle xảy ra lẻ tẻ tại các tỉnh, thành phố. Năm 2008 có khoảng trên 44 ngàn con mắc bệnh, số chết và xử lý trên 26 ngàn con. bệnh Marex xảy ra nhiều nhất tại 3 tỉnh Tiền giang, Long An, Đồng Nai. Số gia cầm bị bệnh chết, tiêu huỷ gần 48 ngàn con. bệnh Gumboro vẫn gây thiệt hại đáng kể cho đàn gia nuôi tập trung theo hướng công nghiệp gây chết hơn 121 ngàn con. Tụ huyết trùng, dịch tả vịt xảy ra lẻ tẻ ở các địa phương gây chết hơn 30 ngàn con hàng năm. Ở nước ta, dịch cúm gia cầm đã bùng phát từ tháng 12 năm 2003 đến nay với 6 đợt phát dịch lớn: Đợt 1 từ tháng 12/2003 – 30/3/2004 xảy ra trên 57/64 tỉnh, thành phố, số lượng gia cầm bị tiêu huỷ gần 44 triệu con gia cầm; Đợt 2 từ tháng 4/ 2004 – 12/2004 xảy ra trên 17 tỉnh, thành phố, số lượng gia cầm bị tiêu huỷ gần 80 ngàn con ; sau 17 tháng không xảy ra dịch cúm A H5N1 ở người; dịch cúm gia cầm tái phát ở Đồng bằng sông Cửu Long, sau đó miền Bắc và miền Trung, 9 tỉnh có dịch. Trong 8 tháng năm 2008, dịch cúm gia cầm xảy ra lẻ tẻ ở 27 tỉnh, thành phố gây chết và tiêu huỷ tổng số trên 75 ngàn con. Tổ chức Y tế thế giới WHO, Tổ chức Thú y thế giới OIE cảnh báo dịch cúm gia cầm, cúm A H5N1 ở người vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp.

Năm 2008, dịch PRRS xảy ra tại một số tỉnh gây thiệt hại lớn, với số lượng lợn chết và tiêu huỷ trên 200 ngàn con. Kết quả nghiên cứu và đánh giá tác động môi trường cho thấy các hố chôn gia cầm trong trại chăn nuôi gây ô nhiễm cục bộ nước ngầm tầng nông khoảng cách 15-40m tùy số lượng gia cầm/hố và điều kiện thổ nhưỡng tuy không có dấu hiệu gây ô nhiễm nước giếng khoan trong khu vực nhưng theo Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26

tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, xác gia súc, gia cầm là loại chất thải độc hại vì vậy, phải được thu gom, tiêu hủy và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn của ngành nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi nói riêng trong việc bảo vệ môi trường chăn nuôi bước đầu cũng đã có kết quả đáng ghi nhận. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành khoảng gần 30 văn bản có nội dung liên quan chi tiết đến công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi từ khâu xuất nhập khẩu con giống, chỉ đạo sản xuất, phòng chống dịch bệnh, ... và nhiều văn bản khác có yêu cầu chú ý đến môi trường trong sản xuất, kinh doanh vật nuôi thông thường và vật nuôi quý hiếm. Tuy nhiên, các hoạt động thiết thực như đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, thông tư hướng dẫn xây dựng đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, ... , công tác thanh tra, kiểm tra, công tác hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị xử lý chất thải, cải thiện môi trường cho các quy mô chăn nuôi, ... còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Việc lồng ghép công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi với các hoạt động chỉ đạo sản xuất, quản lý, thanh kiểm tra sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi cũng chưa cao. Chưa xây dựng được đánh giá môi trường chiến lược trong chiến lược phát triển ngành chăn nuôi. Số lượng trang trại chăn nuôi xây dựng đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và thực hiện nghiêm túc còn ít.

Các cấp quản lý ở nhiều địa phương còn bỏ ngỏ lĩnh vực bảo vệ môi trường chăn nuôi, chưa tập trung quy hoạch dài hạn, quy hoạch cụ thể cho sự phát triển chăn nuôi bền vững cũng như bảo vệ môi trường chăn nuôi tại địa phương nên hệ thống thể chế, văn bản chính sách trong lĩnh vực này còn thiếu và yếu, chưa tương xứng với thực tiễn sản xuất. Việc ban hành quy định thẩm quyền của các cơ quan chức năng quản lý về môi trường cũng chưa thống nhất giữa các địa phương. Chủ yếu phụ thuộc vào các cơ quan: Công an môi trường, thanh tra của Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường. Chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị, các đoàn thể, các tổ chức. Vì việc ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn nói chung và ô nhiễm trong chăn nuôi nói riêng vẫn xảy ra hàng ngày, hàng giờ tại địa phương. Cơ quan quản lý vẫn chưa thực sự phát huy được tính tự giác và tinh thần đấu tranh chống ô nhiễm môi trường nên dễ dẫn đến tình trạng bỏ ngỏ không xử lý hoặc xử lý nửa vời, không

triệt để. Việc ban hành các văn bản pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập, các văn bản tản mạn trong nhiều văn bản dưới luật khác nhau từ trung ương đến địa phương, giữa các Bộ, ban, ngành cũng có sự nhìn nhận khác nhau về tiêu chuẩn, quy định, chế tài về bảo vệ môi trường. Nên việc ban hành văn bản và chỉ đạo thực hiện chưa thực sự thống nhất cả theo chiều dọc và chiều ngang.

Trong những năm gần đây, tổng đàn gia súc, gia cầm đã tăng lên không ngừng, nhiều cơ sở chăn nuôi hàng hoá đã ra đời, nhưng chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn chiếm ưu thế, nước thải chất thải nhiều nơi không được xử lý, gây ô nhiễm môi trường. Số lượng gia súc, gia cầm tăng nhanh song song với việc gia tăng lưu thông, vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm của chúng từ vùng này sang vùng khác khiến cho tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi trong khi ở nhiều địa phương, công tác bảo vệ môi trường chưa được quan tâm thực sự. Việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thú y của một bộ phận người sản xuất chưa nghiêm túc: chăn nuôi, buôn bán, giết mổ tùy tiện, khi gia súc mắc bệnh không khai báo, giết mổ gia súc bị bệnh, vứt xác gia súc bừa bãi.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật về công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, giết mổ, kinh doanh sản xuất thuốc tuy đã được bổ sung nhưng còn thiếu và bất cập. So với các nước trong khu vực, các văn bản quy phạm pháp luật Thú y của Việt Nam chưa đưa ra các quy định cụ thể, chi tiết và thường thấp hơn quy định của quốc tế. Các biện pháp xử phạt ô nhiễm môi trường trong hoạt động còn thiếu, bất cập. Việc tuyên truyền phổ biến các văn bản luật chưa kịp thời, sâu rộng và sự thực thi chưa được triệt để.

Chưa có tổ chức quản lý công tác bảo vệ môi trường của cục Thú y và các địa phương. Hoạt động bảo vệ môi trường từ trước đến nay được thực hiện dưới dạng các đề tài, dự án nghiên cứu theo đòi hỏi của thực tế. Trình độ chuyên môn về bảo vệ môi trường của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, chưa được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ nên họ gặp nhiều khó khăn khi thực thi công việc. Cơ sở vật chất và trang thiết bị tuy đã được đầu tư nhưng chưa đầy đủ, đặc biệt các địa phương.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại trên là do: Trình độ học vấn của người nông dân còn thấp cùng với tâm lý, thói quen lao động tiểu nông, giản đơn đã cản trở người lao động trong việc tiếp cận những kiến thức lao động chuyên môn và kiến thức về an toàn vệ sinh lao động. Chỉ có khoảng 8% người lao động nông nghiệp qua đào tạo nghề, trong đó khu vực đồng bằng sông Cửu Long số thanh niên lao động nông thôn có trình độ công nhân kỹ thuật chiếm 6,27%, có trình độ sơ cấp nghề chiếm 2,64% và chưa có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 87,16%.

Xử lý chất thải, tiêu hủy gia súc, gia cầm hầu hết còn chưa đúng kỹ thuật, gây ảnh hưởng lớn đến nguồn nước, chất đất và chất lượng không khí khu vực có chăn nuôi. Đa số các chủ lò mổ chưa có ý thức kỷ luật đầy đủ về việc cần thiết xử lý chất thải và ngăn ngừa dịch bệnh trong quá trình sản xuất. Hầu hết cơ sở không có hệ thống nước thải hoàn chỉnh.

II. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý môi trường chăn nuôi trong thời gian tới:

Để phát triển bền vững và đảm bảo môi trường tại các trang trại, gia trại, các địa phương cần quan tâm hơn nữa đến việc tạo điều kiện, hỗ trợ các hộ chăn nuôi quy mô lớn đầu tư xây dựng mô hình xử lý chất thải theo công nghệ hiện đại. Ngành Tài nguyên và Môi trường chủ động phối hợp với ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tăng cường kiểm tra, xử lý, đình chỉ sản xuất đối với các trang trại gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; đôn đốc các trang trại, gia trại gây ô nhiễm môi trường, thực hiện các biện pháp xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm; yêu cầu các trang trại phải có đầy đủ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu về xử lý ô nhiễm; khẩn trương quy hoạch vùng chăn nuôi cho từng loại vật nuôi, từng bước hạn chế, không cho phép chăn nuôi gia trại, chăn nuôi quy mô nhỏ trong khu dân cư; triển khai ứng dụng mô hình xử lý nước thải sau bể biogas, làm cơ sở hướng dẫn, nhân rộng áp dụng cho các trang trại chăn nuôi.

Mở rộng và khai thác triệt để thị trường trong nước, từng bước hướng tới xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi. Sản xuất chăn nuôi phải thỏa mãn nhu cầu trong nước về các loại thịt, trứng với mức tăng nhu cầu tiêu thụ nội địa hàng năm là 7-8%. Đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng sản phẩm chăn nuôi để

thay thế dần các sản phẩm nhập khẩu như sữa nguyên liệu, da, thịt chất lượng cao. Hướng tới xuất khẩu những sản phẩm chăn nuôi nhiều tiềm năng như thịt gia cầm, mật ong, tơ tằm, thịt một số vật nuôi bản địa như hươu, lợn cỏ, bò đầu riu, ...

Chuyển đổi dần phương thức chăn nuôi nhỏ, phân tán sang chăn nuôi theo hướng trang trại gắn với công nghiệp hóa. Hình thành các vùng chăn nuôi trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường và an toàn sinh học. Nâng cao khả năng kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh thực phẩm đối với chăn nuôi nông hộ. Cập nhật và vận dụng linh hoạt các quy trình quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại trong chăn nuôi trang trại, công nghệ vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải và công nghiệp hóa giết mổ, chế biến để từng bước nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Hình thành hệ thống dịch vụ chăn nuôi, thú y phù hợp với kinh tế thị trường có sự kiểm soát của nhà nước. Khuyến khích các ngành kinh tế trong nước như công nghiệp cơ khí, hóa chất, tin học,... đầu tư gia tăng tỷ lệ nội địa hóa trang thiết bị và nguyên liệu cho phát triển chăn nuôi. Củng cố hệ thống và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về chăn nuôi từ Trung ương đến các địa phương.

Các qui định cơ bản nhất về công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi được áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia vào sản xuất, kinh doanh chăn nuôi trong toàn quốc. Đó là các qui định về việc phải đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường hoặc Đánh giá tác động môi trường; Việc chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chuyên ngành và liên cơ quan có thẩm quyền và chấp nhận các chế tài xử lý khi vi phạm. Đề nghị các cơ quan chuyên ngành ở địa phương hướng dẫn người chăn nuôi các kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi cơ bản.

Nhóm các kỹ thuật đơn lẻ, khuyến cáo được tùy nghi áp dụng theo kiểu lựa chọn một trong các cách hoặc có thể áp dụng một số cách sao cho phù hợp với điều kiện chăn nuôi thực tế của cơ sở chăn nuôi. Nhóm này bao gồm các biện pháp là sử dụng công trình khí sinh học, hoạt chất sinh học EM, các biện pháp ủ phân, bể lắng, hồ sinh học, thùng sục khí...Nhóm các biện pháp thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng như công tác quy hoạch, lựa chọn vị trí xây dựng

chuồng hợp lý và hướng chuồng khoa học, xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải, xây dựng chuồng trại phù hợp với khả năng sản xuất và đặc điểm sinh lý của loài vật nuôi... Nhóm các biện pháp hỗ trợ: Kỹ thuật chăn nuôi phù hợp, mật độ và diện tích chuồng nuôi, các kỹ thuật bố trí các dãy chuồng nuôi hợp lý, công tác vệ sinh chuồng trại, trồng cây xanh, ...

Ngăn ngừa, hạn chế sự ô nhiễm, suy thoái môi trường trong quá trình phát triển ngành góp phần xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng và hoàn thiện quy chế hoạt động của nhóm làm việc, giúp lãnh đạo Cục Thú y xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn trong công tác bảo vệ môi trường trong các hoạt động của ngành. Xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực ngành Thú y quản lý, phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y, sản xuất thuốc và chẩn đoán điều trị bệnh động vật.

Nâng cao nhận thức của cán bộ và người sản xuất về tác hại của ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, áp dụng các biện pháp giảm thải, xử lý chất thải, tái sử dụng chất thải nhằm bảo vệ môi trường, sản xuất bền vững, phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường trong quá trình sản xuất. Điều tra, đánh giá thực trạng, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động chăn nuôi, giết mổ, sản xuất kinh doanh thuốc thú y làm cơ sở cho các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường ; Đến năm 2015, có 100 % cơ sở giết mổ tập trung có đánh giá tác động môi trường và có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% cơ sở chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh thuốc thú y có hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn; có hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn. Từng bước đáp ứng yêu cầu về môi trường trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Với tiềm lực sẵn có của ngành, Cục Thú y có chủ trương xây dựng tổ chức bộ máy gọn, nhẹ, ứng phó nhanh, làm việc có hiệu quả, phân công, phân cấp cụ thể không chồng chéo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Cục đến từng chi cục; Phát huy sức mạnh sẵn có của tổ chức thú y từ Trung ương đến địa phương; Sử dụng tối đa các tiềm lực về máy móc, thiết bị và nhân lực sẵn có đồng thời tăng cường năng lực các phòng thí nghiệm phục vụ công tác bảo vệ môi trường; Phòng kế Hoạch, Khoa học và hợp tác Quốc tế - Cục Thú y là bộ

phận giúp việc Cục trưởng và làm đầu mối, liên hệ với Cơ quan cấp trên là Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường - Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, với các trung tâm kỹ thuật thuộc các Cục, Chi Cục Thú y. Trên cơ sở đó, Cục Thú y thành lập nhóm làm việc bao gồm thành phần: Phó cục Trưởng phụ trách, 01 cán bộ phòng Kế hoạch - trưởng nhóm cùng các thành viên của cục thú y, Trung tâm chuyên ngành và các chi cục; Nhóm hoạt động theo quy chế được Cục Thú y ban hành sau khi có ý kiến của Phòng Môi trường - Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn.

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong hoạt động của ngành Thú y. Hoạt động bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ không thể tách rời trong các hoạt động phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y, sản xuất, kinh doanh thuốc... của ngành Thú y do đó lồng ghép chương trình tuyên truyền bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển cộng đồng, các hoạt động xã hội và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo, tọa đàm nhằm cung cấp thông tin cho người dân, giải đáp các vấn đề môi trường, phản ánh kịp thời các vấn đề môi trường đang tồn tại hoặc mới phát sinh. Công khai các cá nhân, tổ chức, các vụ việc vi phạm qui định bảo vệ môi trường tại địa phương. Thông qua tuyên truyền, kết hợp với Trung tâm khuyến nông Quốc gia tập huấn nông dân áp dụng các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi, giết mổ bằng các công nghệ phù hợp nhằm giảm ô nhiễm môi trường.

Tăng cường năng lực quản lý, bảo vệ môi trường, thể chế hoá yêu cầu bảo vệ môi trường trong các hoạt động, sản xuất. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Xây dựng và ban hành các quy chuẩn, quy phạm, hướng dẫn để triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong thú y; Tăng cường công tác phối hợp quản lý môi trường giữa các đơn vị trong và ngoài ngành thú y.

Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi, thú y. Xây dựng dự án điều tra cơ bản về hiện trạng môi trường và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, giết mổ gia súc, nuôi tyronng chế biến thủy sản... làm cơ sở cho việc xây dựng các chính sách quản lý phù hợp. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ bảo vệ môi trường các lĩnh vực: công nghệ xử lý

chất thải trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, chế biến giết mổ, sản xuất thuốc và nuôi trồng và chế biến thủy sản;

Nghiên cứu hoàn chỉnh hệ thống quản lý dịch bệnh, kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y, giết mổ gắn liền với công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước. Nghiên cứu, lựa chọn mô hình quản lý chất thải lò mổ, trang trại chăn nuôi, cơ sở sản xuất thuốc thú y, các cơ sở khảo nghiệm, kiểm nghiệm giống vật nuôi phù hợp để áp dụng vào thực tế. Nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ vốn, ưu đãi, khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường trong các khu vực chăn nuôi, giết mổ tập trung đã được quy hoạch; các cơ quan, đơn vị và cá nhân tham gia những hoạt động bảo vệ môi trường nh: nghiên cứu ứng dụng và khảo nghiệm giống, thức ăn, hoá chất và công nghệ xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường.

Triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất; áp dụng công nghệ mới tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường hơn; khuyến khích các cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn. Đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực cho các Trung tâm Kiểm tra Vệ sinh Thú y Trung ương 1 và 2 , viện Thú y, viện chăn nuôi để tăng cường năng lực trong công tác, kiểm tra, kiểm soát và quan trắc cảnh báo môi trường, dịch bệnh. Đảm bảo các trung tâm này có đủ khả năng kiểm soát và xử lý các vấn đề môi trường của ngành trên phạm vi quản lý. Có cơ chế khuyến khích các nhà khoa học trong và ngoài nước đầu tư, nghiên cứu giải quyết những vấn đề môi trường nổi cộm trong lĩnh vực chăn nuôi - thú y.

Thực hiện nghiêm túc đánh giá tác động môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến, sản xuất mới thành lập. Nếu không đạt yêu cầu kiên quyết không cấp phép xây dựng. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thân thiện với môi trường, sản xuất sạch hơn. Tùy điều kiện cụ thể từng nơi để lựa chọn các mô hình phù hợp nhằm đảm bảo việc thu gom triệt để nguồn thải từ quá trình chăn nuôi, không để các nguồn thải phát tán ra ngoài môi trường, sử dụng một số chế phẩm sinh học bổ sung vào thức ăn và chất thải chăn nuôi nhằm hạn chế khí độc hại và vi sinh vật có hại, giảm ô nhiễm môi trường. Khuyến khích việc tái sử dụng chất thải của vật nuôi thông qua hệ sinh thái tự nhiên hoặc tác động của con người. Đây cũng là xu thế chung của các nước trên thế giới hướng tới những hành động thân thiện với môi trường. Xử lý chất thải

chăn nuôi bằng công nghệ sinh học là giải pháp được ưu tiên so với các giải pháp khác. Thực hành quản lý hệ thống chăn nuôi đồng bộ theo một quy trình khép kín từ khâu sản xuất cho đến khâu tiêu thụ.

Đẩy mạnh hợp tác giữa các tổ chức, cơ quan. Tuyên truyền, phổ biến và thực thi các Công ước quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường. Hàng năm tổ chức các cuộc hội thảo để tổng kết, đánh giá những nội dung đã thực hiện, tồn tại cần khắc phục trong công tác bảo vệ môi trường đồng thời trao đổi kinh nghiệm trong công tác quản lý và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ giữa các Cục, Vụ, Viện, các tỉnh thành phố. Nâng cao năng lực thực hiện các chương trình, dự án phát triển chăn nuôi – thú y có liên quan đến môi trường.

Bổ sung cụ thể hơn các nội dung yêu cầu bảo vệ môi trường trong chăn nuôi trong một số Luật liên quan của thể chế. Một số Luật như Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, Luật Bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, Luật Cạnh tranh... tuy đã có một số nội dung yêu cầu các sản phẩm cần phải được truy xuất nguồn gốc, có môi trường sản xuất vệ sinh... nhưng các yêu cầu này trong thực tế ít khi người chăn nuôi tiếp cận và thực hiện hiệu quả vì thứ nhất các quy định này nằm ở Luật không điều chỉnh trực tiếp các quan hệ, hành vi trong ngành sản xuất chăn nuôi nên ít được tìm hiểu hơn, thứ hai là nó được quy định khá chung chung với nhiều loại sản phẩm khác mà tính yêu cầu về môi trường trong sản xuất chưa bức thiết như chăn nuôi. Vì vậy trong thời gian tới, có thể điều chỉnh, bổ sung một số Điều khoản quy định cụ thể hơn cho các sản phẩm từ ngành chăn nuôi ví dụ như điều kiện sản xuất, chế biến, bảo quản để sản phẩm thịt và các phụ phẩm từ thịt được tham gia giao dịch trên thị trường hoặc các sản phẩm từ ngành chăn nuôi có chứng nhận sử dụng tiêu chuẩn ISO 14000, nhãn sinh thái dán trên bao bì của các sản phẩm chăn nuôi được ưu tiên hưởng các chính sách về cạnh tranh, hỗ trợ xây dựng thị trường, quảng bá thương hiệu, ...

Chăn nuôi trong những năm gần đây phát triển nhanh chóng cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào, đáp ứng yêu cầu đời sống xã hội, cải thiện đời sống cho đa số người dân nông thôn. Song mặt trái của chăn nuôi khi phát triển là ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn, chất thải lỏng của trang trại chăn nuôi, của các cơ sở giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm đã tác động xấu đến sức khỏe con người thông qua việc ô nhiễm nguồn nước, không khí hoặc đất.

Tuy chưa có một thống kê thật đầy đủ và chuyên môn sâu về hiện trạng ô nhiễm môi trường do chăn nuôi như suy thoái chất lượng nước mặt, nước ngầm, đất, không khí... cũng như thiệt hại của chăn nuôi do ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu gây ra: dịch bệnh, cuốn trôi do lũ lụt, chết rét, stress nhiệt... song công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi đang là vấn đề rất bức xúc, là hướng đi tất yếu của sự phát triển ngành chăn nuôi. Môi trường chăn nuôi trong đó, cả người lao động trong chăn nuôi cũng là một nhân tố sinh thái bị ô nhiễm lại quay trở lại tác động trực tiếp vào ngành chăn nuôi làm ngành ngày không chỉ khó khăn về tư liệu sản xuất, về khả năng sản xuất sản phẩm sạch, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững, mà còn khó khăn gấp bội trong công tác quản lý và xử lý chất thải.

Trong những năm tới, nhu cầu thực phẩm: thịt, sữa, trứng ... của xã hội ngày càng tăng, tất yếu thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển. Ước tính, Việt Nam với tốc độ tăng trưởng kinh tế 8%/năm, tốc độ phát triển dân số 1,3%/năm thì tốc độ tăng trưởng của ngành chăn nuôi phải tăng từ 9 – 10%/năm mới đáp ứng được nhu cầu xã hội. Ngành chăn nuôi phát triển nếu không đi kèm với các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm sẽ làm môi trường sống của con người xuống cấp nhanh chóng. Môi trường bị ô nhiễm lại quay trở lại tác động trực tiếp đến ngành chăn nuôi làm ngành này không chỉ khó khăn về khả năng sản xuất, khả năng cạnh tranh, khó khăn trong công tác quản lý mà còn không thể phát triển bền vững.

Việc bảo vệ, xử lý môi trường trong chăn nuôi gia súc gia cầm là việc làm hết sức cần thiết và cấp bách. Việc thực hiện nghiêm túc và triệt để công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi là điều kiện tiên quyết, là biện pháp tất yếu giúp ngành chăn nuôi chủ động khống chế dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện chăn nuôi hữu cơ, tăng khả năng cạnh tranh trên các mức độ thị trường, góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cộng đồng và phát triển chăn nuôi bền vững. Trong hàng loạt các giải pháp được đưa ra như giải pháp về vốn, về khoa học kỹ thuật, về hợp tác quốc tế, ... thì nhóm giải pháp thể chế, chính sách được xác định là có vai trò quan trọng nhất và mang tính chủ đạo. Tính bức thiết đòi hỏi phải xây dựng một hành lang pháp lý đầy đủ hơn, khoa học và hoàn thiện hơn được nhìn thấy ngay trong thực tế sản xuất chăn nuôi.

